CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Tập đoàn CIENCO4

Ngày 31/03/2024	11,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.4%	**-3.4%**	**-**

DT thuần
Q1/24
507
tỷ VNĐ
QoQ: ▼329| -39.3%
YoY: ▲ 47.0| 10.3%

LN thuần
Q1/24
45.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.60| -5.5%
YoY: ▲ 1.90| 4.3%

LN sau thuế
Q1/24
41.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.00| -14.5%
YoY: ▲ 0.30| 0.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
18.1%
YoY: +/-▲ 6.1%

ROE (TTM)
Q1/24
4.9%
YoY: +/-▼ 0.0%

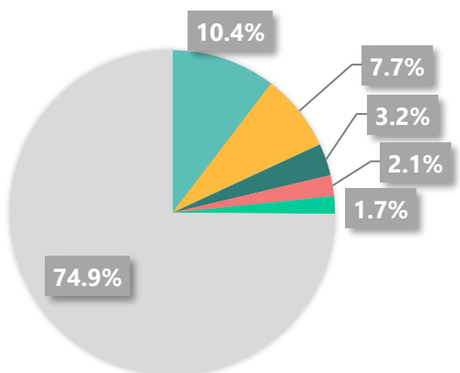
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,800 - 15,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,073
Số lượng CPLH (CP)	357,300,754
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,404,515
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	2.52
EPS	433
P/E	26.3

DT thuần
2023
2,629
tỷ VNĐ
YoY: ▼97.0| -3.6%

LN thuần
2023
148
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.0| -7.8%

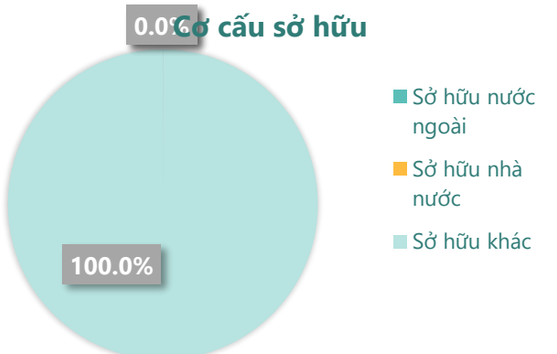
LN sau thuế
2023
128
tỷ VNĐ
YoY: ▼27.0| -17.1%

Cơ cấu cổ đông



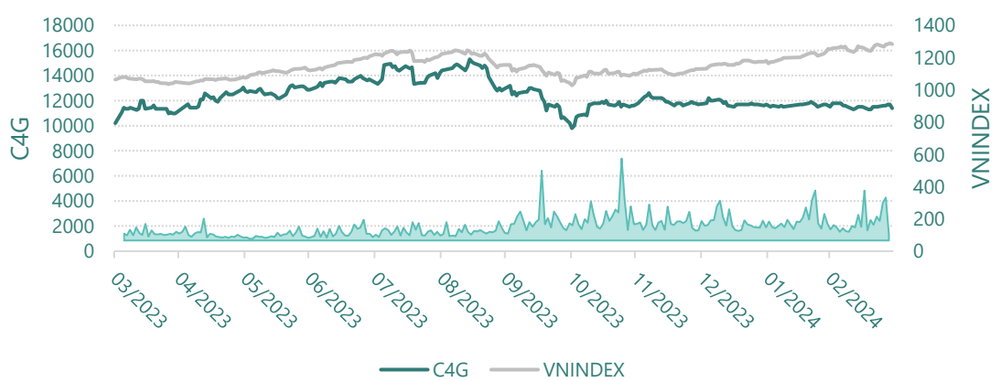
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



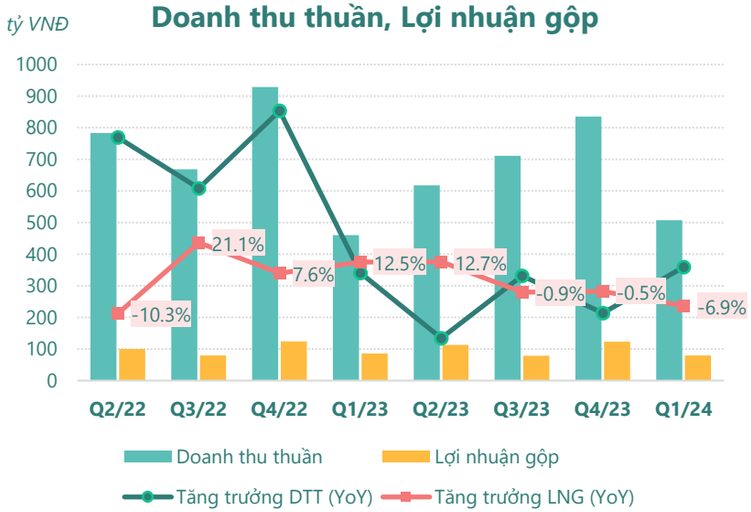
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



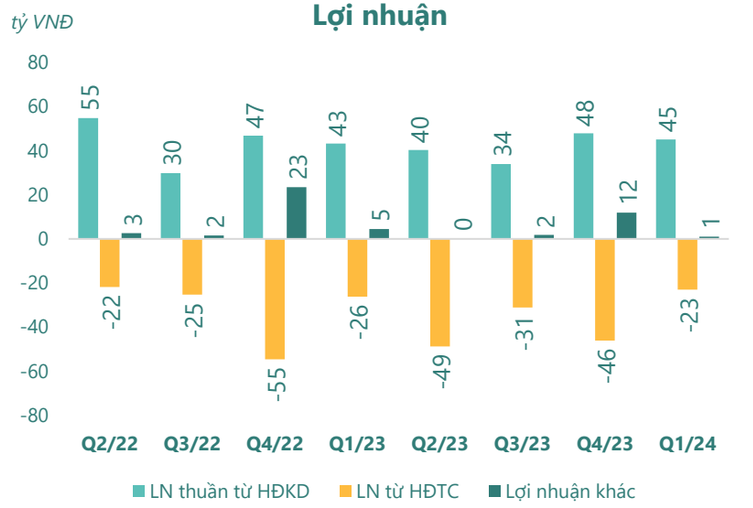
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



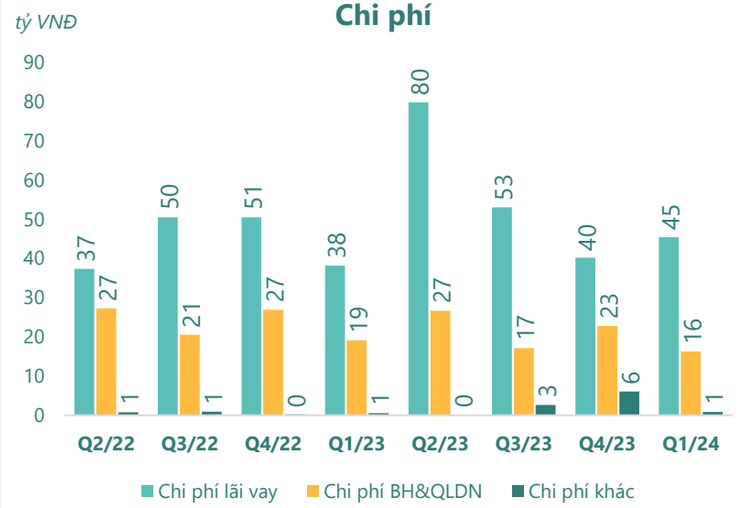
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



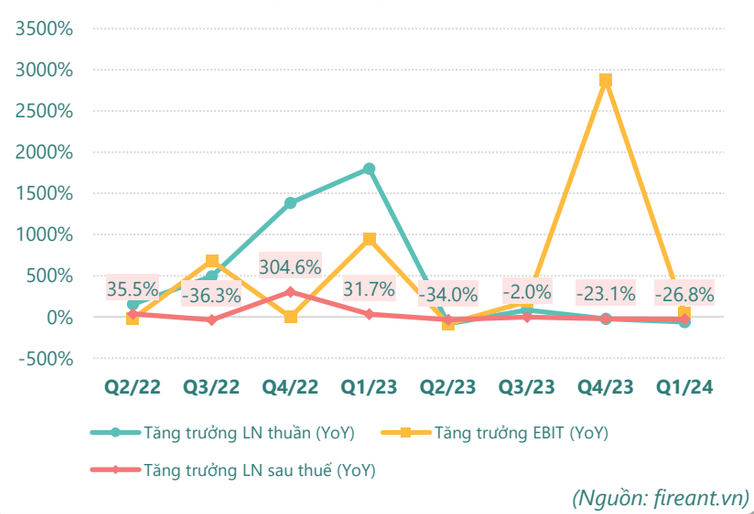
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



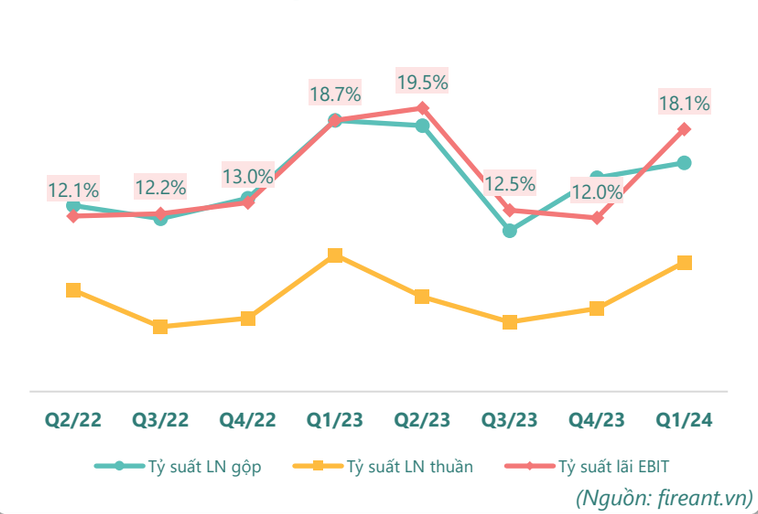
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



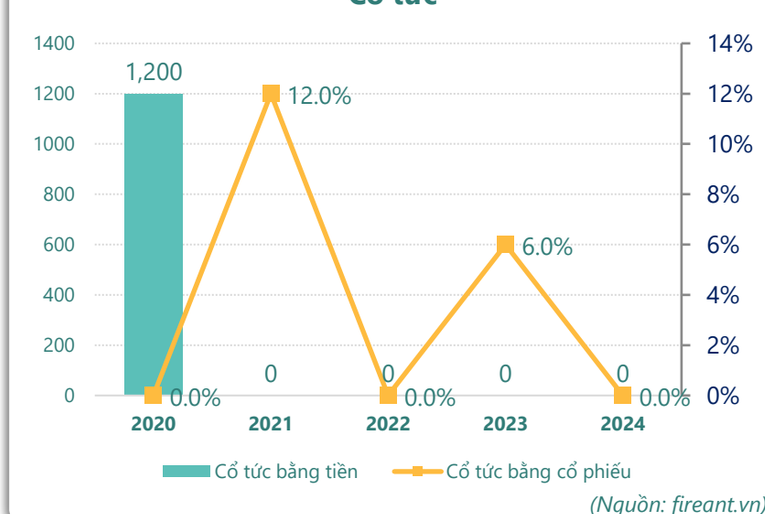
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



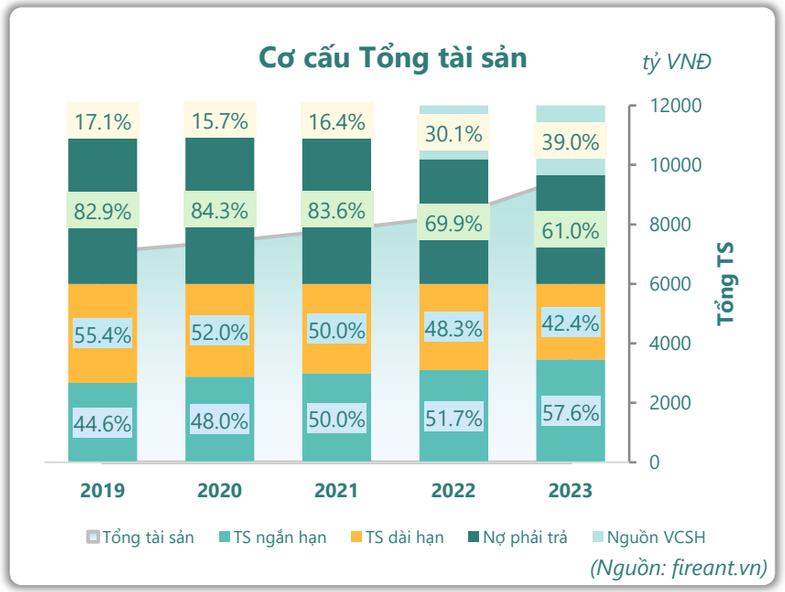
(Nguồn: fireant.vn)

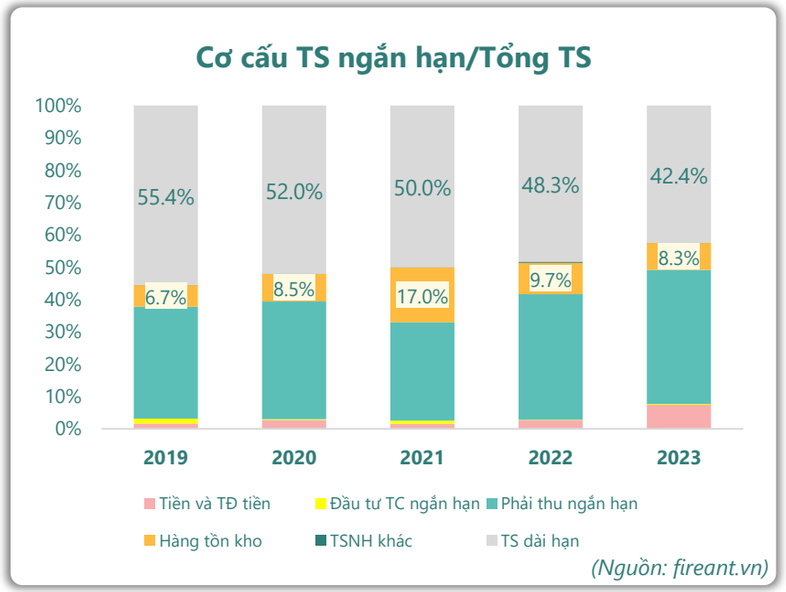
Cổ tức

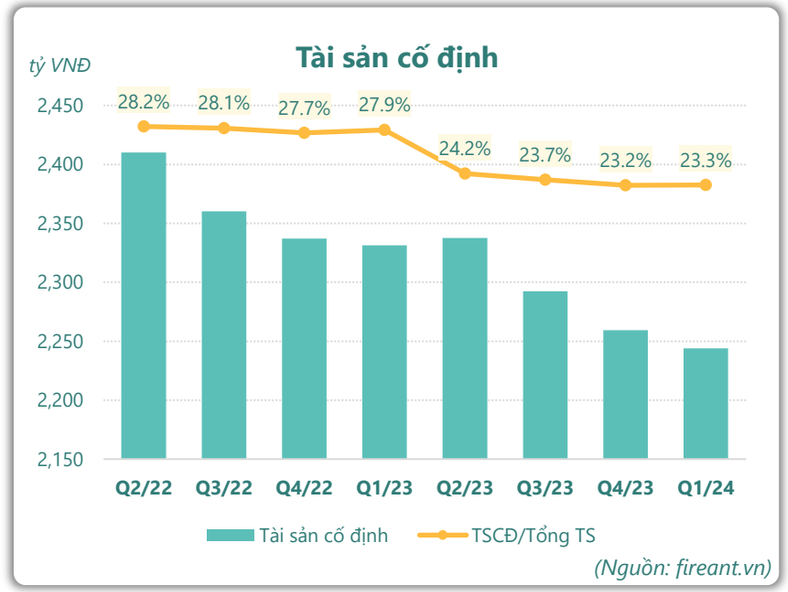


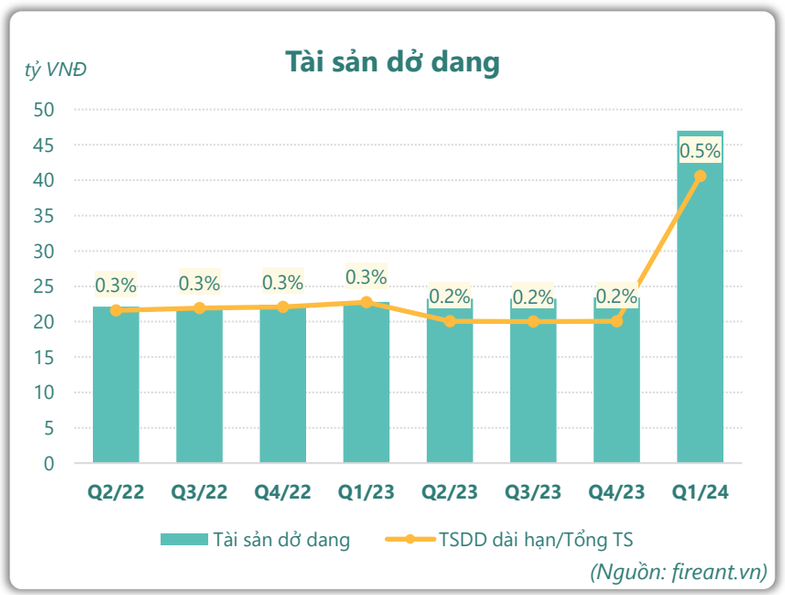
(Nguồn: fireant.vn)

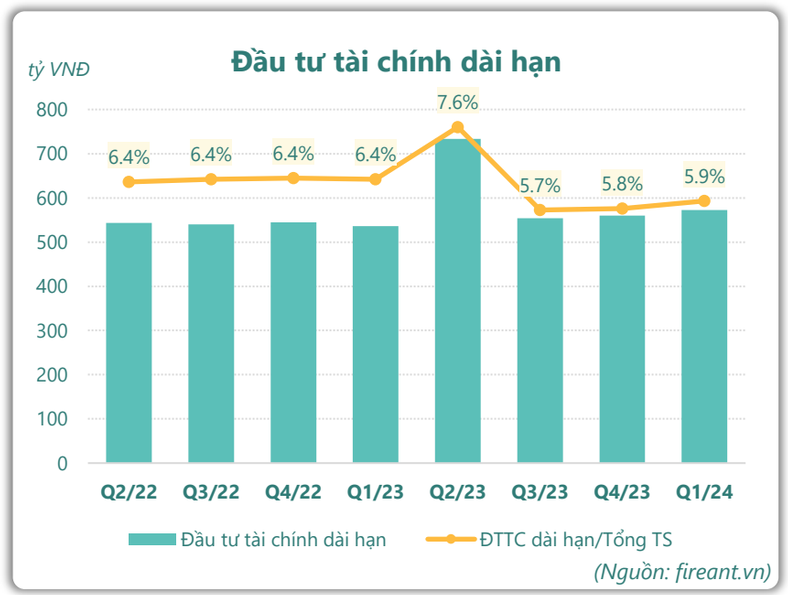
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

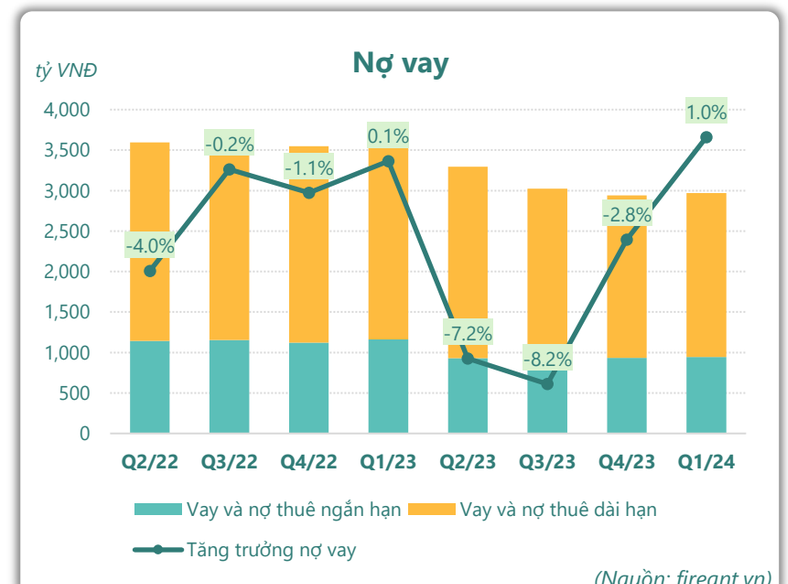






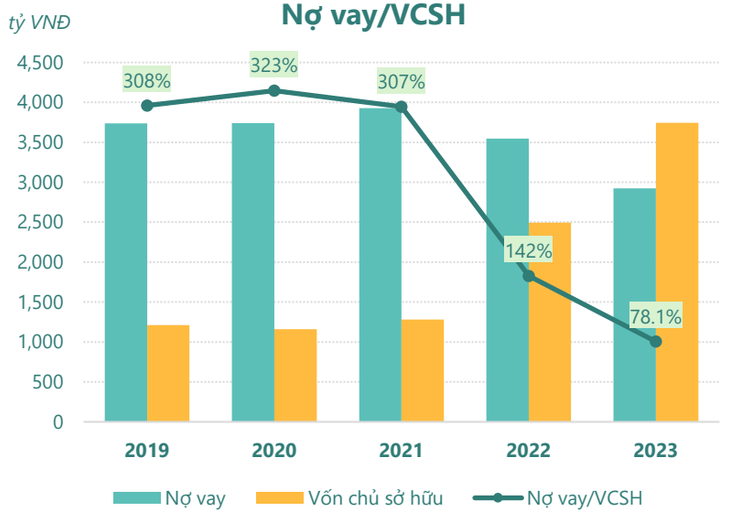






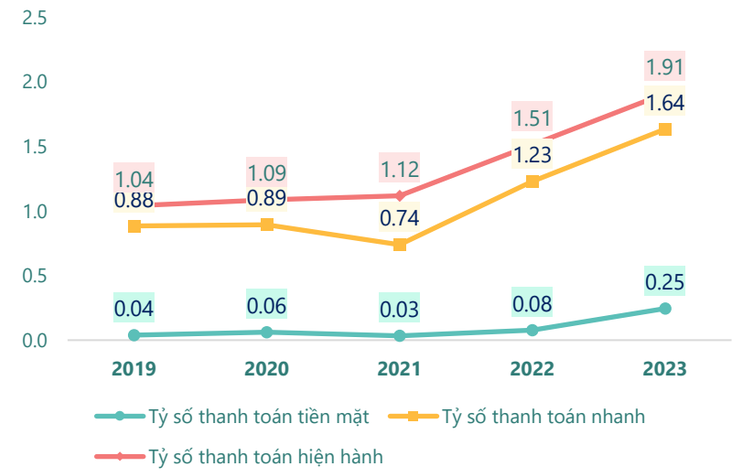
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



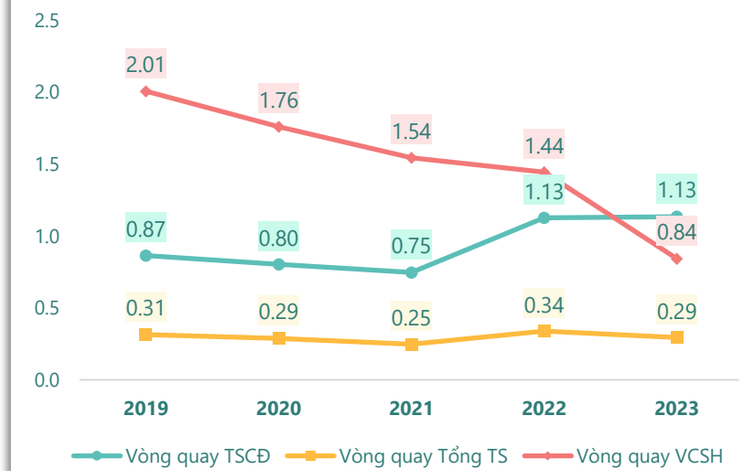
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



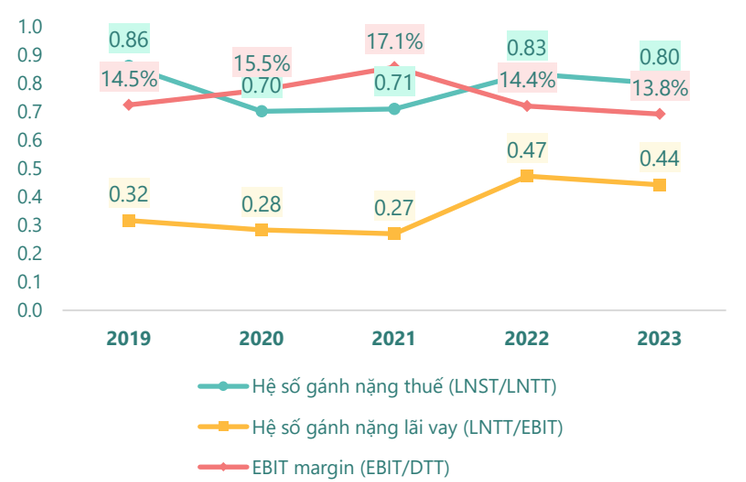
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



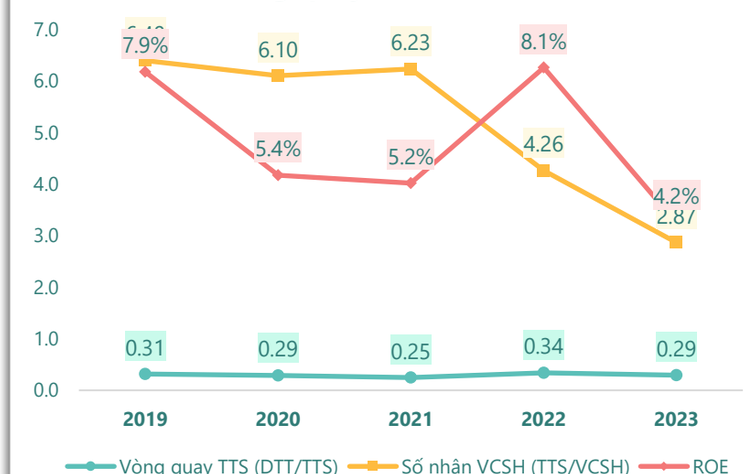
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



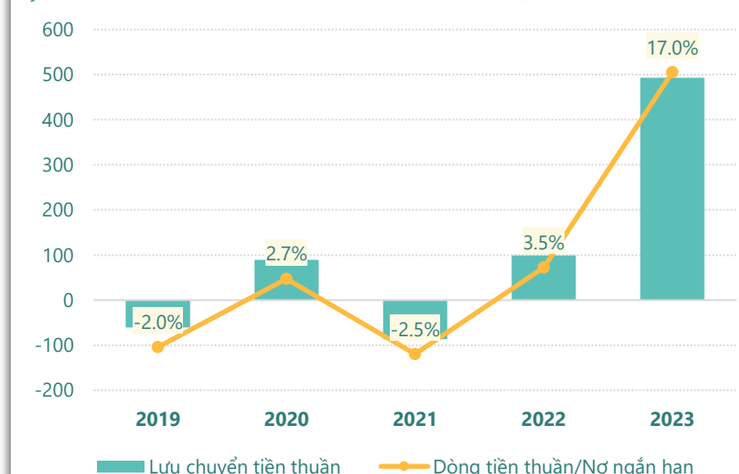
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**507**	**460**	**10.3%**	**2,629**	**2,726**	**-3.6%**
Giá vốn hàng bán	427	374	14.2%	2,225	2,328	-4.4%
Lợi nhuận gộp	80.0	85.9	-6.9%	404	398	1.5%
Doanh thu HĐTC	25.6	14.5	76.2%	106	92.4	14.6%
Chi phí TC	48.6	40.7	19.4%	229	230	-0.4%
Chi phí lãi vay	45.4	38.2	18.9%	203	207	-1.9%
LN trong công ty LKLD	**4.54**	**2.75**	**65.1%**	**-10.4**	**-2.53**	**-311%**
Chi phí bán hàng	0.28	0.29	-4.6%	1.74	3.77	-53.8%
Chi phí QLDN	**16.0**	**18.8**	**-14.8%**	**120**	**92.8**	**29.2%**
LN thuần từ HĐKD	45.2	43.3	4.3%	148	161	-7.8%
Lợi nhuận khác	**1.08**	**4.50**	**-75.9%**	**12.3**	**24.8**	**-50.3%**
LN trước thuế	46.2	47.8	-3.3%	161	186	-13.5%
Lợi nhuận sau thuế	**41.2**	**40.9**	**0.7%**	**128**	**155**	**-17.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**41.9**	**41.0**	**2.1%**	**130**	**152**	**-14.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	37.8	76.5	28.9	231	101	61.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-57.7	-203	-89.5	317	-92.2	-163
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-30.0	1.39	682	-462	-82.1	44.3
Tiền đầu kỳ	277	207	82.5	713	799	709
Lưu chuyển tiền thuần	**-50.0**	**-125**	**622**	**86.0**	**-73.5**	**-56.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	227	82.5	713	799	726	652

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**9,649**	**9,605**	**0.5%**
Tài sản ngắn hạn	5,633	5,530	1.9%
Tiền và tương đương tiền	652	709	-8.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	31.8	31.9	-0.3%
Phải thu ngắn hạn	4,028	3,983	1.1%
Hàng tồn kho	905	796	13.6%
Tài sản ngắn hạn khác	15.6	9.69	60.7%
Tài sản dài hạn	**4,017**	**4,075**	**-1.4%**
Phải thu dài hạn	23.0	4.62	398%
Tài sản cố định	2,244	2,279	-1.5%
Bất động sản đầu tư	123	118	4.1%
Tài sản dở dang	47.0	23.4	100%
Đầu tư tài chính dài hạn	573	547	4.7%
Tài sản dài hạn khác	**996**	**1,092**	**-8.8%**
Lợi thế thương mại	10.5	10.9	-3.0%
Nợ phải trả	5,864	5,863	0.0%
Nợ ngắn hạn	**2,956**	**2,895**	**2.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	942	890	5.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	717	695	3.1%
Nợ dài hạn	2,908	2,968	-2.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,026	2,034	-0.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,785**	**3,743**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**3,785**	**3,743**	**1.1%**
Vốn điều lệ	3,573	3,573	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)